FireAnt

Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP (UPCOM: TBD)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	118,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	121,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	67,800
SL cổ phiếu LH	32,418,392
KLGD BQ 20 phiên (CP)	125
% sở hữu nước ngoài	4.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,842
P/E	19.6
EPS	6,051

	YTD	1T	3T	6T
TBD	23.4%	18.6%	48.9%	24.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản

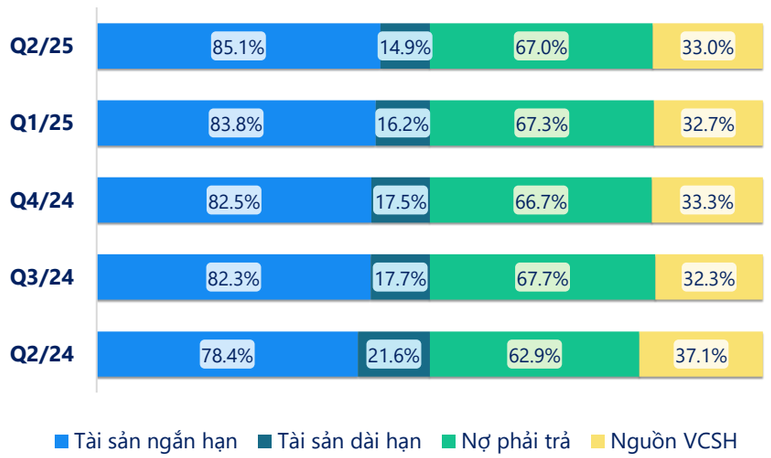

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

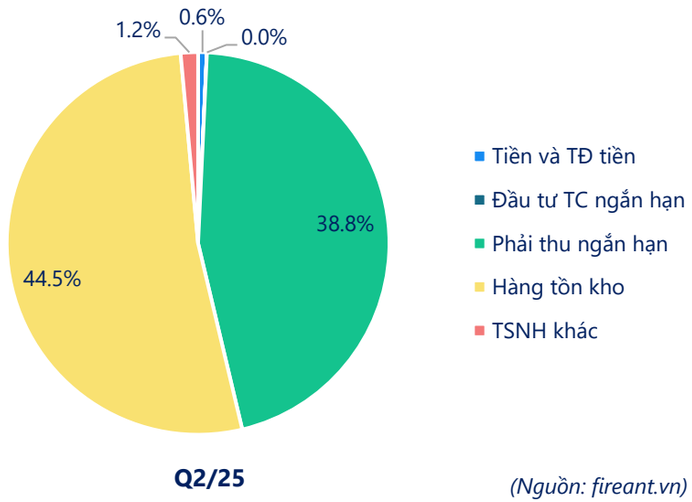

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

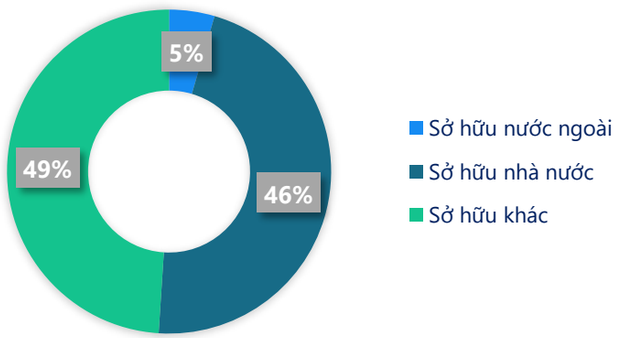

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

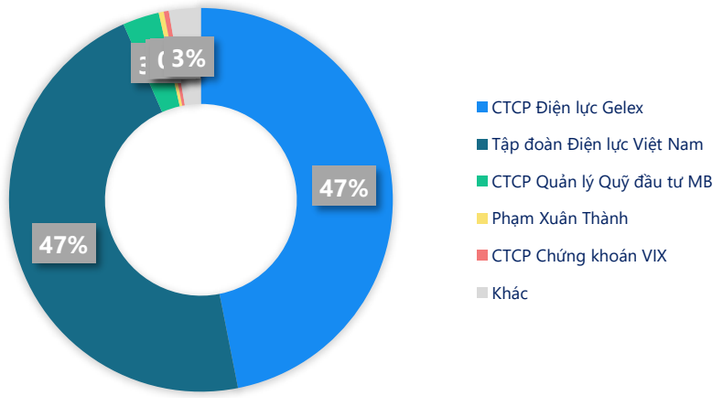

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

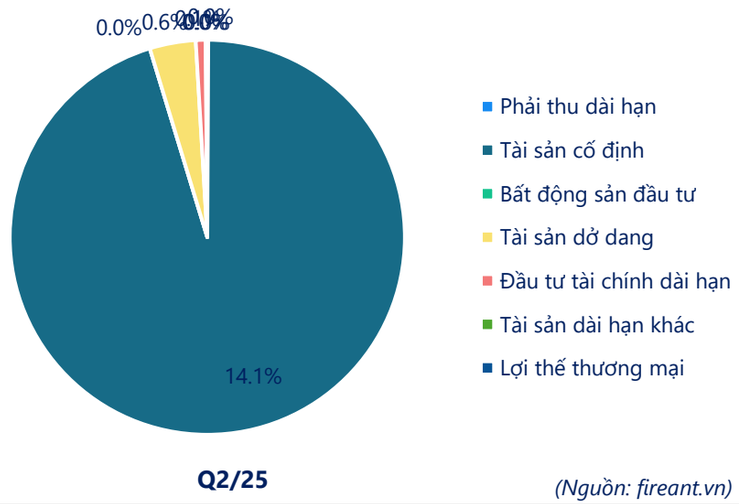

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP (UPCOM: TBD)

Tiền và tương đương tiền

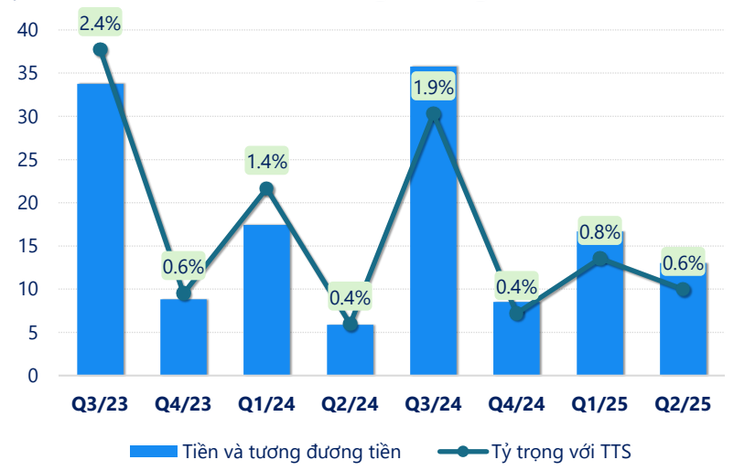

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

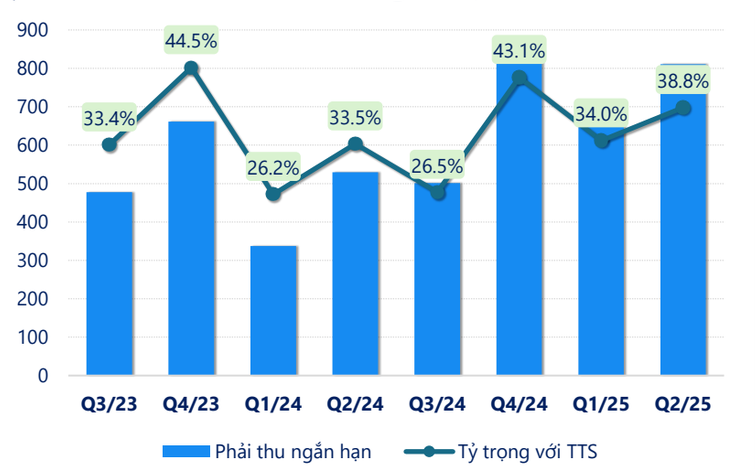

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

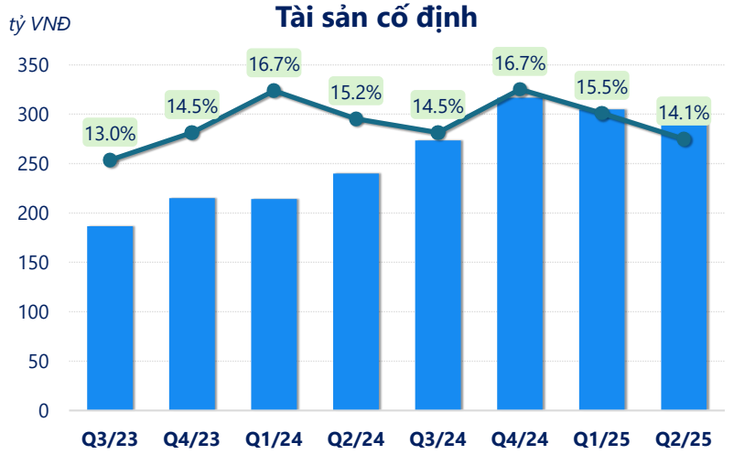

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

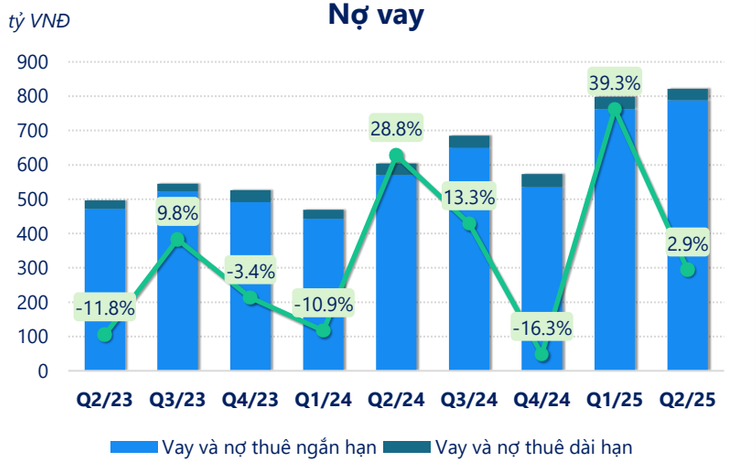

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

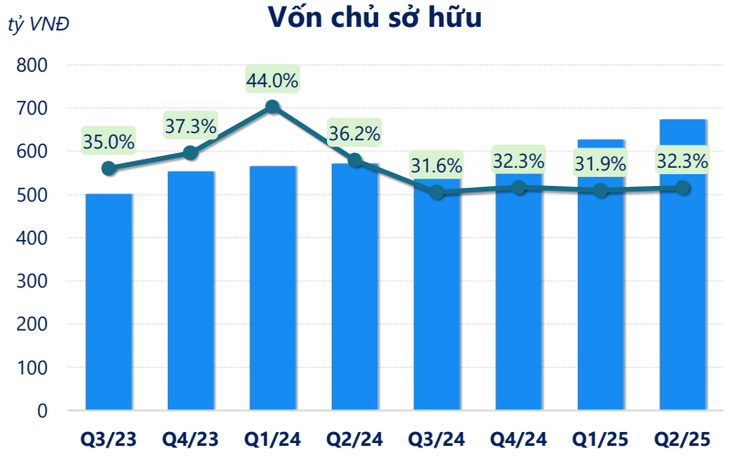

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP (UPCOM: TBD)

Kết quả kinh doanh

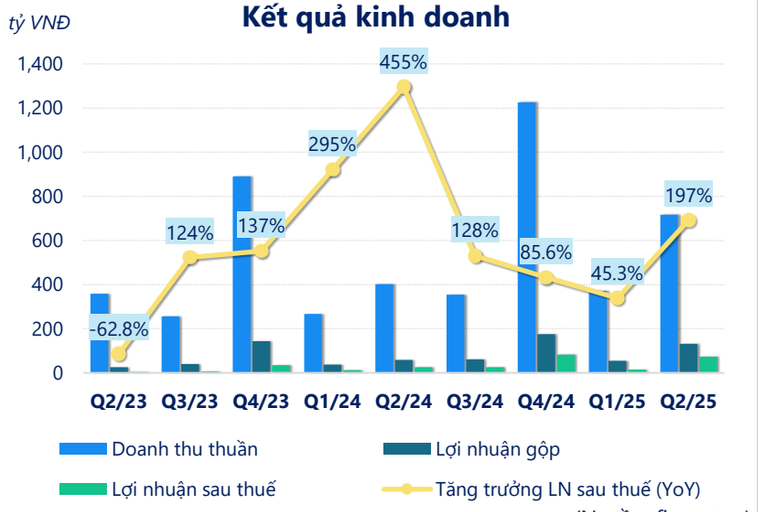

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

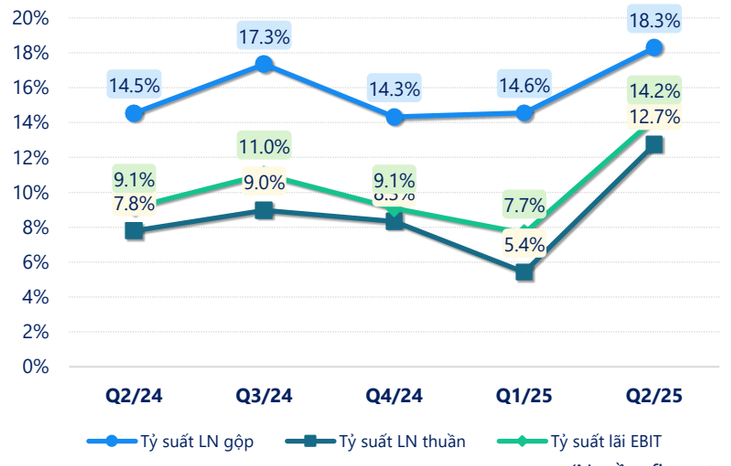

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

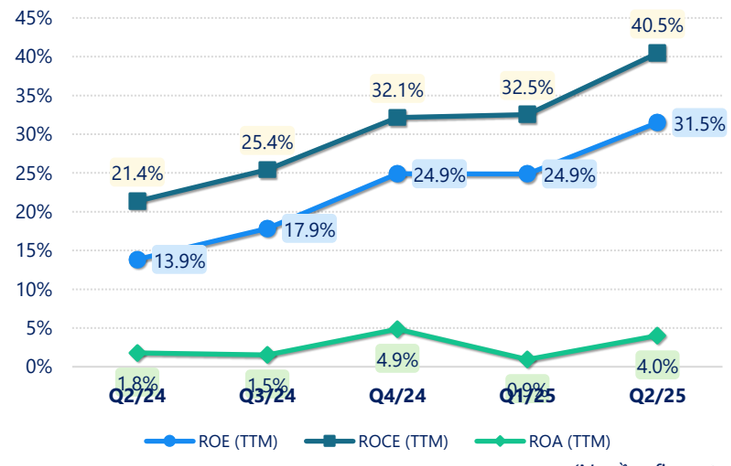

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

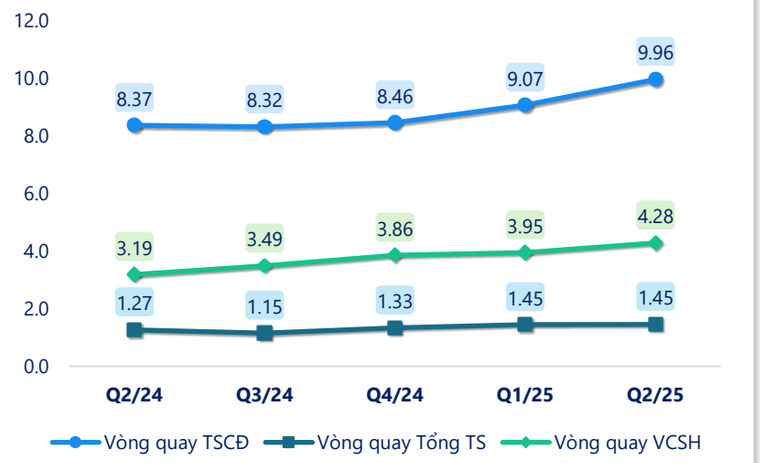

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

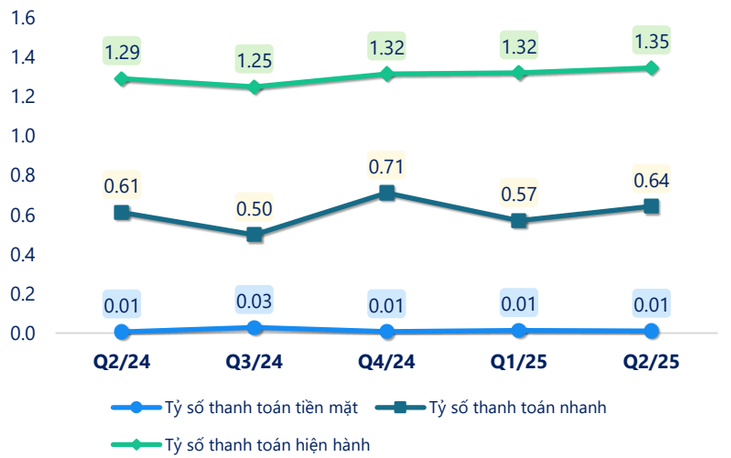

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

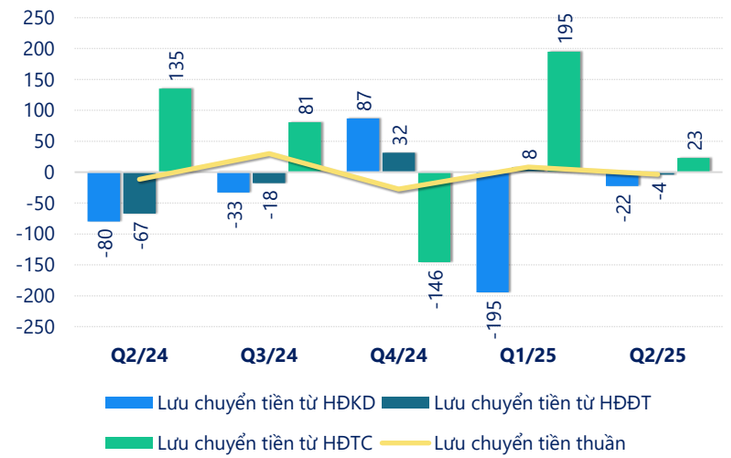

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP (UPCOM: TBD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,090**	**1,894**	**10.4%**
Tài sản ngắn hạn	1,779	1,562	13.9%
Tiền và tương đương tiền	13.0	8.51	53.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.11	10.1	-98.9%
Phải thu ngắn hạn	811	817	-0.8%
Hàng tồn kho	930	717	29.6%
Tài sản ngắn hạn khác	26.0	9.32	179%
Tài sản dài hạn	**310**	**332**	**-6.4%**
Phải thu dài hạn	0.24	0.24	3.0%
Tài sản cố định	296	317	-6.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.7	11.7	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.41**	**0.47**	**-11.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,399	1,263	10.8%
Nợ ngắn hạn	**1,322**	**1,188**	**11.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	788	535	47.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	228	365	-37.5%
Nợ dài hạn	76.9	75.7	1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	33.8	38.7	-12.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**691**	**630**	**9.6%**
Vốn chủ sở hữu	**674**	**612**	**10.2%**
Vốn điều lệ	325	325	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**16.5**	**18.3**	**-10.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	402	354	1,225	371	716
Giá vốn hàng bán	343	293	1,050	317	585
Lợi nhuận gộp	58.4	61.4	176	54.1	131
Doanh thu HĐTC	0.09	3.80	2.69	2.71	3.05
Chi phí TC	5.72	7.27	13.2	11.3	14.0
Chi phí lãi vay	5.13	7.25	8.93	8.27	10.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.46	4.09	32.4	6.53	13.9
Chi phí QLDN	18.0	22.1	30.5	18.8	14.9
LN thuần từ HĐKD	31.3	31.8	102	20.1	91.3
Lợi nhuận khác	0.21	0.07	0.21	0.02	-0.01
LN trước thuế	31.6	31.9	102	20.2	91.3
Lợi nhuận sau thuế	25.5	25.5	82.0	15.3	73.4
LNST của CĐ cty mẹ	25.5	25.5	82.0	15.3	73.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-79.7	-32.9	86.9	-195	-22.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-67.0	-17.7	31.5	7.95	-4.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	135	80.6	-146	195	22.9
Tiền đầu kỳ	17.4	5.89	35.8	8.51	16.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-11.5**	**30.0**	**-27.3**	**8.15**	**-3.65**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.11	0.08	0.03	-0.01
Tiền cuối kỳ	5.89	35.8	8.51	16.7	13.0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic